

Bản án số: 27 /2019/DS-ST

Ngày: 20-6-2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Mỹ
2. Ông Mai V Bé Em
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 29-5-2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Đỗ Hữu Nh**, chủ hộ kinh doanh

Địa chỉ: ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nhân: ông Phạm Xuân Thự, sinh năm: 1987

Địa chỉ: số 15/7 đường Lê Hồng Phong, khu vực 2, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo V bản ủy quyền ngày 18-6-2018.

-Bị đơn: Ông **Trương Hoàng V**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: số 74/8 đường Nguyễn Thái Học, phường Vĩnh Bảo, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Thự có mặt tại phiên tòa; ông V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân Thự trình bày:***

Ông Đỗ Hữu Nhân là chủ hộ đăng ký kinh doanh của Trại cây Nghĩa Nhân tại ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nguyên vào ngày 09-8-2015 ông Trương Hoàng V có thỏa thuận mua bán gỗ với ông Nhân gồm các loại gỗ dầu mít, xây, tạp, gỗ chia số lượng là 116.633m³ thành tiền là 1.034.406.570 đồng. Mục đích mua là để sử dụng việc cá nhân của ông V. Sau đó ông V có thanh toán được một số tiền, đến ngày 30-8-2016 còn nợ lại 361.625.000 đồng và có làm tờ cam kết nợ với ông Nhân. Ông V có hứa đến ngày 30-11-2016 sẽ thanh toán dứt nợ và tiền lãi trên số tiền nợ với lãi suất 2%/tháng. Tính đến ngày 30-01-2018 ông V trả được nợ gốc là 199.161.911 đồng và tự nguyện tính lãi từ ngày 30-8-2016 đến ngày 30-01-2018 số tiền 60.838.098 đồng.

Nay ông Nhân yêu cầu ông V thanh toán số tiền còn nợ là 162.463.089 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-02-2018 tính đến ngày 20-6-2018, lãi suất 2% là 162.463.089 đồng x 2%/tháng x 10 tháng = 29.243.365 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 191.706.445 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân Thự yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Hoàng V trả cho ông Đỗ Hữu Nhân chủ trại cây Nghĩa Nhân số tiền mua gỗ còn nợ 162.463.089 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01-02-2018 đến ngày 20-6-2019.

****Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn ông Trương Hoàng V không có ý kiến theo Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án; Tại phiên tòa ông V vắng mặt.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ 162.463.089 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại số 74/8 đường Nguyễn Thái Học, phường Vĩnh Bảo, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trương Hoàng V đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đỗ Hữu Nhân chủ trại cây Nghĩa Nhân với bị đơn ông Trương Hoàng V là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ mua gỗ còn thiếu là 162.463.089 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Xét giao dịch giữa ông Đỗ Hữu Nhân- Chủ trại cây Nghĩa Nhân với ông Trương Hoàng V, hai bên không có lập hợp đồng bằng V bản. Căn vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Tờ cam kết nợ đề ngày 30-8-2016, chữ viết tay có chữ ký tên Trương Hoàng V, nội dung thể hiện ông Trương Hoàng V có mua gỗ gồm: Dầu, mít, xây, tạp, gỗ chia số lượng 116.633 khối thành tiền 1.034.406.570 đồng, đến ngày 30-8-2016 còn nợ số tiền 361.625.000 đồng. Như vậy, hợp đồng mua bán gỗ giữa hai bên là có thật và đến ngày 30-8-2016 ông V còn nợ Trại cây Nghĩa Nhân số tiền 361.625.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày, ngày 30-01-2018 ông V có trả được số tiền 199.161.911 đồng. Lời thừa nhận này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng V bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các V bản tố tụng hợp lệ cho ông V nhưng ông V hoàn toàn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do vậy, giao dịch mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn giao kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, ông Trương Hoàng V đã nhận tài sản thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền và lãi chậm trả theo quy định tại các Điều 428; 438 Bộ luật dân sự cho bên bán.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các tình tiết, chứng cứ trong hồ sơ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Hoàng V có trách nhiệm trả ông Đỗ Hữu Nhân số tiền nợ mua gỗ là 162.463.089 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 01-02-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử 20-6-2019 là: 16 tháng 19 ngày x 162.463.089 đồng x 9%/năm (mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) = 20.267.270 đồng, tổng cộng: 182.730.359 đồng.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, ông Trương Hoàng V phải nộp án phí trên số tiền phải trả là:

$182.730.359 \text{ đồng} \times 5\% = 9.136.517 \text{ đồng}$ (chín triệu một trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm mười bảy đồng).

Ông Đỗ Hữu Nhân được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.793.000 đồng (bốn triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008585, ngày 07-11-2018 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 36; 39; 91; 147; 266; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 305; 428; 438 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu Nhân về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn là ông Trương Hoàng V.

2. Buộc ông Trương Hoàng V có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Hữu Nhân số tiền nợ gốc 162.463.089 đồng và tiền lãi chậm trả 20.267.270 đồng, tổng cộng: 182.730.359 đồng (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn ba trăm năm mươi chín đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả dứt số nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trương Hoàng V phải nộp án phí là 9.136.517 đồng (chín triệu một trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm mười bảy đồng).

Ông Đỗ Hữu Nhân được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.793.000 đồng (bốn triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008585, ngày 07-11-2018 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố G.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

